

Bản án số: 119/2025/DS-ST
Ngày: 14/9/2025
“ *V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Bà Bùi Thanh H.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Ngọc Anh – Thư ký tòa án.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân Hng thương mại cổ phần A.**

Địa chỉ: Số X, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số X, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo pháp luật bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn M** (có mặt)

Địa chỉ: Số B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (nay là Số B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1994 và bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực AB, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (nay là Khu vực AB, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân Hng thương mại cổ phần A (có ông Lê Văn M đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngân Hng thương mại cổ phần A – Phòng giao dịch Ô Môn (sacombank) có cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H vay vốn theo hợp đồng số 202025890886 ký ngày 01/12/2020. Theo đó, ông L, bà H vay số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể:

Giấy nợ số LD2033700661 ngày 02/12/2020.

Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 02/12/2020 đến ngày 02/12/2025)

Dư nợ hiện tại 92.500.000 đồng.

Lãi suất 06 tháng đầu 11,8%/năm. Từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký giấy nợ này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ bản _ 4,8% biên độ định điều chỉnh theo kỳ 03 tháng/lần.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Xe ô tô nhãn hiệu SRM, Model: T20A/TL, màu trắng, số khung DAC2LT200377, số máy: DLCG14427700, sản xuất năm 2019, lắp ráp tại Việt Nam.

Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô biển số: 65C-164.62, do Phòng cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt tHnh phố Cần Thơ cấp ngày 24/11/2020 cho ông Nguyễn Hoàng L đứng tên chủ sở hữu.

Tính đến ngày 19/11/2024 ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân Hng TMCP A số tiền là 126.116.201 đồng, trong đó:

Vốn gốc: 92.500.000 đồng; lãi trong hạn: 26.974.900 đồng; lãi quá hạn: 6.641.301 đồng.

Thẻ tín dụng: Nguyễn Hoàng L.

Ngày 23/4/2020 ông L có ký với Ngân Hng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát Hnh và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hng – Các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Hoàng L, ngân Hng đồng ý cấp thẻ tín dụng 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.670.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho ngân Hng số tiền 14.352.982 đồng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/3/2023 ngân Hng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19/11/2024 ông L có trách nhiệm thanh toán cho ngân Hng số tiền 41.312.792 đồng. Trong đó: vốn 21.979.664 đồng, lãi quá hạn

19.333.128 đồng.

Thẻ tín dụng Huỳnh Thị H:

Ngày 19/6/2020 bà H có ký với Ngân Hng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát Hnh và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hng – Các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), căn cứ thu nhập của bà H, ngân Hng đồng ý cấp thẻ tín dụng 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.236.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho ngân Hng số tiền 13.350.000 đồng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/11/2022 ngân Hng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/11/2024 bà còn nợ ngân Hng số tiền 43.557.743 đồng. trong đó: vốn 21.924.725 đồng; lãi quá hạn: 21.633.018 đồng.

Do đó, ngân Hng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Ngân Hng thương mại cổ phần A yêu cầu buộc ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H phải trả cho ngân Hng tính đến ngày 19/11/2024 là 210.116.201 đồng. Trong đó: Món vay 126.116.201 đồng; vốn gốc 92.000.000 đồng; lãi trong hạn: 26.974.900 đồng; lãi quá hạn: 6.641.301 đồng. Thẻ tín dụng của ông Nguyễn Hoàng L 41.312.792 đồng, trong đó: vốn 21.979.664 đồng, lãi quá hạn: 19.633.128 đồng. Thẻ tín dụng bà Huỳnh Thị H 21.924.725 đồng, lãi quá hạn 21.633.018 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 20/11/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo hợp đồng cho vay số 202025890886 ký ngày 01/12/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ ngày 23/4/2020 và ngày 19/6/2020.

Trong trường hợp ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H không trả hoặc trả không hết nợ thì cho phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 202025890886 ký ngày 01/12/2020.

Buộc ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi Hnh án, chi phí phát sinh liên quan.

Trường hợp sau khi đã bán tài sản bảo đảm mà không đủ để thu số tiền gốc, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan.. thì ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ tại ngân Hng TMCP A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hnh thủ tục tổng đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự hợp

lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2025 là 244.261.593 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 136.404.389 đồng; Nợ lãi trong hạn: 37.062.163 đồng; Nợ lãi quá hạn: 70.794.826 đồng. Đồng thời, buộc bị đơn tiếp tục trả lãi suất cho ngân hàng kể từ ngày 15/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất mà các bên đã ký kết trong hợp đồng.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H trả tiền nợ vay căn cứ vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, giấy nhận nợ, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho bị đơn vay 150.000.000 đồng và cấp thẻ tín dụng cho ông L, bà H mỗi thẻ 20.000.000 đồng. Ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H có thể chấp cho ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu SRM, Model: T20A/TL, màu trắng, số khung DAC2LT200377, số máy:

DLCG14427700, sản xuất năm 2019, lắp ráp tại Việt Nam.

Sau khi ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H đã được giải ngân số tiền vay 150.000.000 đồng và được cấp thẻ tín dụng, ông L và bà H đã thực hiện các giao dịch sử dụng thẻ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L và bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 và Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng), ngày 22/11/2022 và ngày 22/3/2023 Ngân Hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau, về nội dung và hình thức của hợp đồng thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Trong quá trình vay vốn, ông L và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân Hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu trả tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

Tính đến ngày 14/9/2025 ông L và bà H còn nợ tổng số tiền là 244.261.593 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 136.404.389 đồng; Nợ lãi trong hạn: 37.062.163 đồng; Nợ lãi quá hạn: 70.794.826 đồng.

Theo đó, việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là không trái quy định pháp luật.

Như vậy, đây là cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng là sự thật.

Đối với tài sản mà bị đơn đã thế chấp bảo đảm cho nguyên đơn là xe ô tô nhãn hiệu SRM, Model: T20A/TL, màu trắng, số khung DAC2LT200377, số máy: DLCG14427700, sản xuất năm 2019, lắp ráp tại Việt Nam.

Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô biển số: 65C-164.62, do Phòng cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/11/2020 cho ông Nguyễn Hoàng L đứng tên chủ sở hữu. Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117 Bộ luật dân sự;

- Điều 90; Điều 91; Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hng Thương mại cổ phần A.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H trả cho Ngân Hng Thương mại cổ phần A số tiền là 244.261.593 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi một nghìn năm trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 136.404.389 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn ba trăm tám mươi chín đồng*); Nợ lãi trong hạn: 37.062.163 đồng (*Ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn một trăm sáu mươi ba đồng*); Nợ lãi quá hạn: 70.794.826 đồng (*Bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/9/2025), Ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 12.213.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm mười ba nghìn đồng*) tại Phòng Thi Hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 5.253.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004971 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận Ô Môn (nay là Phòng Thi Hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi Hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Út Hậu Bùi Thanh H

Phương Văn Chính

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV2 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV2 – Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính